

Số: 308/2024/QĐST-HNGĐ

Cẩm Lệ, ngày 27 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 452/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ D, phường H, quận C, TP.
- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Tổ D, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị T kết hôn năm vào năm 2014, tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, bất đồng trong cách sống, thường xuyên cãi vã nhau, không hòa hợp trong cách sống, anh C có quan hệ bên ngoài và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, hôn nhân không hạnh phúc, không thể kéo dài được cuộc sống chung. Nay bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, nên cùng yêu cầu Tòa án công nhận cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình C đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai tự nguyện thuận tình ly hôn. Do vậy, công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình C là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con chung: bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình C có 01 con chung tên Nguyễn G, sinh ngày 27/9/2014. Ly hôn, ông C và bà T thống nhất thỏa thuận giao con chung cho bà Nguyễn Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Đình C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho

đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 05 hằng tháng, bắt đầu từ tháng 01/2025.

Xét thấy sự thỏa thuận của bà T và ông C là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Lệ phí Tòa án: bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình C mỗi người chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình C thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số (giấy chứng nhận kết hôn số 79/2014, quyển 02/2013-2014 ngày 16/9/2014 của UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam)

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn G, sinh ngày 27/9/2014 cho bà Nguyễn Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Đình C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 05 hằng tháng, bắt đầu từ tháng 01/2025.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vẫn có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai ược quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì còn phải chịu khoản lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình C mỗi người chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông C và bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ theo biên lai thu số 0009344 ngày 09/12/2024, ông C và bà T đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- Dương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng;
- UBND xã Đại Lãnh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Bàng